

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC
NHÀ Ở, ĐĂNG KIỂM, ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (31 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC NHÀ Ở (01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)						
1	1.012896	Thủ tục cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 136/2026/NĐ-CP ngày 07/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 261/2025/NĐ-CP và Nghị định số 54/2026/NĐ-CP).

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM (06 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)						
1	1.013089	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định.	04 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đạt yêu cầu.	Cơ sở đăng kiểm	- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận (theo Thông tư số 156/2025/TT-BTC). Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 3	Thông tư số 30/2026/TT-BXD ngày 15/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Điều 1 Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Giá dịch vụ lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới được miễn kiểm định lần đầu: 46.000 đồng/xe.	máy.
2	1.005103	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp kiểm định lần đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định cho xe có	- Kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: Trong ngày làm việc và kết quả kiểm định đạt yêu cầu. - Kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm: + Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ; lập giấy hẹn lịch kiểm định: ngay trong ngày nhận được hồ sơ	Cơ sở đăng kiểm	- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận (theo Thông tư số 156/2025/TT-BTC). Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài	Thông tư số 30/2026/TT-BXD ngày 15/6/2026

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chứng nhận đăng ký xe tạm thời.	hồ sơ kiểm định đạt yêu cầu. + Thời hạn cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định: 02 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, đánh giá và kết quả kiểm định đạt yêu cầu.		chính. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 238/2016/TT-BTC và Thông tư số 55/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
3	1.013101	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (<i>bao gồm kiểm định lần đầu, kiểm định định kỳ và xe có đăng ký tạm thời</i>).	- Trường hợp không phải mang xe đến Cơ sở đăng kiểm: 04 giờ làm việc. - Trường hợp phải mang xe đến Cơ sở đăng kiểm: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 04 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ và kết quả	Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, Cơ sở kiểm định khí thải	Không có	Thông tư số 30/2026/TT-BXD ngày 15/6/2026

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			kiểm tra hồ sơ đạt yêu cầu; + Thời hạn cấp Giấy chứng nhận: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá và kết quả kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu.			
4	1.013092	Cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng	- Trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai thông tin; bị hỏng nhưng có đủ thông tin để xác định số seri hoặc biển số xe: 04 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp giấy chứng nhận kiểm định (bản	Cơ sở đăng kiểm	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận (theo Thông tư số 156/2025/TT-BTC). Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số	Thông tư số 30/2026/TT-BXD ngày 15/6/2026

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			giấy) hoặc tem kiểm định bị mất; tem kiểm định bị hỏng nhưng không có đủ thông tin để xác định số seri hoặc biển số xe: sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông tin báo mất.		36/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
5	1.013206	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	- Kiểm tra hồ sơ thiết kế: Tối đa 03 ngày làm việc. - Kiểm tra thực tế xe và cấp GCN: Tối đa 03 ngày làm việc (hoặc ngay trong ngày đối với xe miễn lập hồ sơ thiết kế). - Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ	Cơ sở đăng kiểm	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận (theo Thông tư số 156/2025/TT-BTC). Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 3	Thông tư số 30/2026/TT-BXD ngày 15/6/2026

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			sơ thiết kế cải tạo và thông báo thời gian và địa điểm kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo: 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. - Thời hạn kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo: + Đối với xe phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo: 03 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế. + Đối với xe không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo: ngay trong ngày nhận đủ hồ		Điều 1 Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Giá dịch vụ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 238/2016/TT-BTC và Thông tư số 55/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			sơ. - Thời hạn cấp Giấy chứng nhận cải tạo: ngay khi kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.			

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	1.013097	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	- Trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm hoặc trường hợp hồ sơ điện tử được lưu tại phần mềm quản lý việc chứng nhận cải tạo của Cục Đăng kiểm Việt Nam: 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với; - Trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác: 1,5 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ.	Cơ sở đăng kiểm	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận (theo Thông tư số 156/2025/TT-BTC). Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Thông tư số 30/2026/TT-BXD ngày 15/6/2026

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (24 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)						
1	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
2	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
3	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
5	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
6	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
7	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
8	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
9	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
10	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
11	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
12	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
13	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
14	1.002381	Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
15	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
16	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
17	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (1.002861)	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
18	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			theo quy định.			
19	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
20	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
21	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
22	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận	Trong thời hạn 01 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP

Thứ tự	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		giữa Việt Nam và Campuchia	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	hành chính công tỉnh		
23	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP
24	1.000321	Đăng ký, khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH)

STT	Tên/Mã TTHC	Lĩnh vực	Tên Văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung bãi bỏ
1	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng Mã số TTHC: 1.013205	Đăng kiểm	Thông tư số 30/2026/TT-BXD ngày 15/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng Mã số TTHC: 2.002287	Đường bộ	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.